

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM  
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD.

Số/ No.: 20221208/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2022  
Ho Chi Minh City, December 08, 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange

Tới: Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ <i>ETF name:</i>	Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/ <i>Securities symbol:</i>	<b>FUEKIVFS</b>
- Tên Công ty Quản lý quỹ: <i>Fund Management company:</i>	Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/ KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/ <i>Supervisory Bank:</i>	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/ Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ <i>Exchange date:</i>	07/12/2022
- Đơn vị tính lô ETF/ <i>Unit:</i>	1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
<b>I. Chứng khoán/ Securities</b>			
1	ACB	3,800	10.10%
2	AGR	100	0.10%
3	BID	300	1.40%
4	BMI	100	0.25%
5	BSI	100	0.22%
6	BVH	100	0.57%
7	CTG	1,000	3.22%
8	CTS	100	0.15%
9	EIB	1,200	2.93%
10	FTS	100	0.24%
11	HCM	300	0.78%
12	HDB	2,300	4.49%
13	LPB	1,900	2.95%
14	MBB	3,300	6.96%
15	MIG	100	0.19%
16	MSB	2,300	3.62%
17	OCB	1,000	1.90%
18	ORS	200	0.25%
19	SHB	3,200	4.00%
20	SSB	2,100	7.64%
21	SSI	1,400	3.26%
22	STB	2,400	5.93%
23	TCB	3,000	9.67%
24	TPB	1,100	2.83%
25	VCB	700	6.67%
26	VCI	400	1.19%
27	VDS	100	0.10%
28	VIB	1,500	3.65%
29	VIX	600	0.57%
30	VND	1,200	2.04%
31	VPB	5,800	11.68%
<b>II. Tiền/ Cash</b>			
	Tiền/ Cash (VND)	3,666,230	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value* : (VND)

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* : (VND)

- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* : (VND)

835,746,000

839,412,230

3,666,230



- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*
- + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:
- + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*  
 Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại  
*Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ <i>Cash Substitution per share (VND)</i>	Đối tượng áp dụng/ <i>Applied to</i>	Lý do/ <i>Reason</i>
1	ACB	22,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BID	39,100	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BSI	18,550	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restrictions on investment in treasury stocks not yet registered</i>
4	BVH	48,000	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
5	HDB	16,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	LPB	13,050	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MBB	17,700	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MSB	13,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	OCB	15,950	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	TCB	27,050	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
11	TPB	21,600	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
12	VCB	80,000	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
13	VCI	25,050	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restrictions on investment in treasury stocks not yet registered</i>
14	VIB	20,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
15	VPB	16,900	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ <i>Criteria</i>	Kỳ này/ <i>This period (*)</i>	Kỳ trước/ <i>Last period (**)</i>	Chênh lệch/ <i>Difference</i>
	07/12/2022	06/12/2022	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	7.700.000	7.700.000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	8.340.00	8.590.00	(250)



Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	07/12/2022	06/12/2022	
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net asset value at valuation date			
của quỹ ETF/ of the Fund	64.634.741.775	68.348.352.592	(3.713.610.817)
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF creation unit	839.412.230	887.640.942	(48.228.712)
của 1 CCQ/ per Share	8.394.12	8.876.40	(482.28)
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1.454.24	1.479.42	(25.18)

(\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 06/12/2022 / Item 5 is net asset value at 06/12/2022

(\*\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 05/12/2022 / Item 5 is net asset value at 05/12/2022

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ  
Authorized Representative of Fund Management Company



**Huỳnh Mai Thảo**  
TRƯỞNG PHÒNG VẬN HÀNH

